

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/9/2024

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phương

Bà Lương Thị Thu An

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên tòa: Ông Bò Đức Trọng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ L số: 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã ML, thị xã CT, tỉnh Bình Phước;

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã ML, thị xã CT, tỉnh Bình Phước.

(Bà L có mặt, ông K vắng mặt không L do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hữu K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã ML, huyện CT (nay là thị xã CT), tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống từ năm 2020 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, thường xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Hai bên gia đình nhiều lần góp ý, khuyên giải nhưng thể hàn gắn cho ông bà. Bà L dọn ra sống riêng và vợ chồng ly thân từ năm 2021.

Bà L thấy rằng mâu thuẫn giữa bà và ông K đã trầm trọng. Do vậy, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông K có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng Nh, sinh ngày 11/8/2004. Con chung đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà L không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hữu K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Hữu K có nơi cư trú tại ấp 6, xã ML, thị xã CT, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Hữu K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc ly hôn với ông Nguyễn Hữu K, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Hữu K tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện CT (nay là thị xã

CT) tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa bà L và ông K là hợp pháp.

Bà L trình bày quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của bà L, cho bà L được ly hôn với ông K.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông K có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng Nh, sinh ngày 11/8/2004. Con chung đã trưởng thành, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hữu K.
2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004331 ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- UBND X. ML-Chơn Thành-Bình Phước
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Thư